

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Thanh Hóa
TRƯỜNG THCS&THPT NGHI SƠN
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
1	861247	Lê Tú Uyên	04/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	9	9.4			9	10	8.5	27.5	27.5		Đỗ NV1 - Lần 1
2	400127	Nguyễn Thu Giang	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.8	9			8.5	10	8.75	27.25	27.25		Đỗ NV1 - Lần 1
3	400379	Lê Nguyễn Bảo Tâm	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.7	8.8			8.5	9.6	8.75	26.85	26.85		Đỗ NV1 - Lần 1
4	400292	Lê Thị Thanh Ngọc	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.3	9.1			8.5	9.6	8.75	26.85	26.85		Đỗ NV1 - Lần 1
5	400340	Hoàng Ngọc Phúc	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.2	7.9			8	9.6	9	26.6	26.6		Đỗ NV1 - Lần 1
6	400225	Lê Nguyễn Thảo Linh	20/10/2011	Thành phố Hải Phòng	T	T	G	8	8.1	9			8.75	9	8.75	26.5	26.5		Đỗ NV1 - Lần 1
7	400354	Nguyễn Văn Việt Quang	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.6	7.8			8	9.8	8.5	26.3	26.3		Đỗ NV1 - Lần 1
8	400383	Trần Thị Lê Tâm	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.4	8.5			8.5	9.2	8.25	25.95	25.95		Đỗ NV1 - Lần 1
9	400103	Nguyễn Linh Đan	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.9	8			9	8.2	8.5	25.7	25.7		Đỗ NV1 - Lần 1
10	400319	Trần Thị Quỳnh Nhi	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	9.4	8.5			9	8.2	8.25	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
11	400017	Nguyễn Lê Bảo Anh	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.5	7.9			8	9.2	8.25	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
12	400438	Phan Thị Thu Trang	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.8	8.2			6.75	9.6	9	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
13	400489	Nguyễn Hoài Vy	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8	8.3			8.75	8	8.5	25.25	25.25		Đỗ NV1 - Lần 1
14	400130	Hoàng Thị Thanh Hà	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.7	8.4			8	8.6	8.5	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1
15	400023	Nguyễn Thị Phương Anh	17/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.8	8.9			9	8.2	7.75	24.95	24.95		Đỗ NV1 - Lần 1
16	400447	Nghiêm Minh Trí	09/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.5	7			8.5	7.6	8.75	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
17	400161	Hoàng Thị Khánh Huyền	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.4	8.9			8.25	7.8	8.75	24.8	24.8		Đỗ NV1 - Lần 1
18	400444	Mai Thị Ngọc Trâm	19/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	8.4			8.5	7	9	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
19	400439	Trần Thị Đoàn Trang	27/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7	8.2	7.4			8.5	9	7	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
20	400322	Trần Vy Nhi	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8	9.2			7.5	8.2	8.75	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
21	400221	Cao Hoàng Linh	10/07/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	7.9	8.3	8.5			8	8.4	8	24.4	24.4		Đỗ NV1 - Lần 1
22	400059	Lê Thị Bảo Châu	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.4	7.4			8.25	7.4	8.75	24.4	24.4		Đỗ NV1 - Lần 1
23	400060	Lê Thị Bảo Châu	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.1	8.1			8	7.6	8.75	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
24	400280	Nguyễn Hữu Hải Nam	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	7.8	8.3			7	8.6	8.75	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
25	400141	Trần Trung Hiếu	05/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	7.2	7.7			7	7.8	9.5	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
26	400329	Phan Thị Như	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	9	8.5			8.5	7	8.75	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
27	400367	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	27/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.9	7.8			7.5	9.2	7.5	24.2	24.2		Đỗ NV1 - Lần 1
28	400088	Lê Hữu Hoàng Dũng	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.8	8			8.25	7.4	8.5	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
29	400104	Nguyễn Trần Linh Đan	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	8.6	8.6			8	7.8	8.25	24.05	24.05		Đỗ NV1 - Lần 1
30	400480	Hoàng Khánh Vinh	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.7	8.7			7.5	8	8.5	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
31	400191	Mai Duy Khoa	01/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.3	8.5			7.5	8.2	8.25	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
32	400113	Phạm Văn Đạt	12/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.5	6.9			8	7.2	8.75	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
33	400038	Dương Gia Bảo	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.2	7.4			8.25	7.2	8.5	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
34	400092	Trần Phạm Ngọc Dũng	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.9	8.8			7.25	8.2	8.5	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
35	400407	Dương Công Thuận	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.8	7.2			7.25	8.2	8.5	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
36	400050	Phạm Thiên Bảo	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.1	8.5			7	8	8.75	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
37	400061	Ngô Minh Châu	17/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	6.8	6			8	7	8.75	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
38	400450	Lê Nguyễn Thanh Trúc	23/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.7	8.8			7.25	9.2	7.25	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
39	400129	Cao Thị Khánh Hà	21/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.7	8.3	8.1			8	8.2	7.5	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
40	400156	Đình Văn Gia Huy	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8	8.5			7.75	7.4	8.5	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
41	400145	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.2	7.8			7.5	8.4	7.75	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
42	400255	Vũ Thị Xuân Mai	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.4	7.1			7.25	8.4	8	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
43	400229	Nguyễn Hà Linh	23/12/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		6.2	8.4	8.1			8.5	7.6	7.5	23.6	23.6		Đỗ NV1 - Lần 1
44	400087	Lê Thị Thùy Dung	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.1	8.3			8	7.8	7.75	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
45	400040	Lê Gia Bảo	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	6.9	6.8			8	6.8	8.75	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
46	400192	Ngô Đăng Khoa	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.1	7.9			7.5	7.8	8.25	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
47	400452	Nguyễn Thanh Trúc	22/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.6	7.4			8.25	8	7.25	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
48	400376	Nguyễn Hữu Sơn	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	6.9	6.7			8	7	8.5	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
49	400300	Trần Thị Thảo Nguyên	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.6	9.1			8	7.2	8.25	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
50	400043	Lê Thế Gia Bảo	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.8	8.2			8.25	7.2	8	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
51	400317	Nguyễn Thị Yến Nhi	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.4	7.1			7.75	7.2	8.5	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
52	400134	Lê Thị Hiền	18/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.7	8.6			8	7.4	8	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
53	400415	Hoàng Thị Anh Thu	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.7	8			8.25	7.4	7.75	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
54	400096	Đỗ Lê Dương	06/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.4	7.1			7	8.4	8	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
55	400226	Lê Thị Phương Linh	29/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.4	8			8.75	6.6	8	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
56	400344	Trần Nguyễn Trí Phúc	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	8.3	7.8			7	7.6	8.75	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
57	400058	Nguyễn Huyền Châm	25/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	8.1	7.6			8.5	7.6	7.25	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
58	400386	Nguyễn Bá Thái	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.7	6.2			7.5	7.6	8.25	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
59	400248	Mai Thị Khánh Ly	15/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8	7.8			8	7	8.25	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
60	400213	Lê Trọng Thiên Kỳ	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.5	7.2			7.5	7.2	8.5	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
61	400099	Nguyễn Thái Dương	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	5.6	8.6			7	8.2	8	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
62	400290	Lưu Đức Nghĩa	08/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.8	8.7			7.25	7.8	8	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
63	400331	Hoàng Thị Kim Oanh	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.9	7.5			8	6.8	8.25	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
64	400057	Hoàng Quốc Cảnh	04/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.5	7.9			7.75	6.8	8.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
65	400183	Mai Hưng Gia Khánh	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.6	8.7			7.25	7.2	8.5	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
66	400359	Hồ Công Quý	08/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8.2	6.9			7.75	6.4	8.75	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
67	400170	Trịnh Thị Diệu Hương	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.6	7.7			7	7.4	8.5	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
68	400244	Mai Bảo Lộc	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	6.8	8.1			6	8.2	8.5	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
69	400454	Nguyễn Thành Trung	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.2	6.6			7.5	7.2	8	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
70	400293	Lưu Thị Minh Ngọc	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.4	8.8			7.75	6.4	8.5	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
71	400490	Nguyễn Ngọc Yến Vy	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.6	8.4			7.75	6.4	8.5	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
72	400028	Trần Hà Anh	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8	8			7.5	7.4	7.75	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
73	400446	Nguyễn Trần Bảo Trân	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		7.5	7.3	6.1			8	7.4	7.25	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
74	400496	Vũ Tường Vy	06/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.8	8.2			7.75	6.8	8	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
75	400136	Dương Công Hiếu	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	8.1	7.8			8	7	7.5	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
76	400309	Hồ Nguyễn Hà Nhi	09/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.5	8.4			7.75	7	7.75	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
77	400328	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.1	8.5			7.75	6.2	8.5	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
78	400464	Nguyễn Anh Tuấn	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	6.8	7.7			7	7.2	8.25	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
79	400426	Dương Thị Hoài Thương	15/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.8	7.1			7.5	7.2	7.75	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
80	400486	Hoàng Yến Vy	19/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.1	8	8.1			7.5	7.4	7.5	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
81	400279	Nguyễn Hoài Nam	11/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.1	8.6			6.75	7.4	8.25	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
82	400455	Lê Minh Trường	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.6	6.7			7.75	6.4	8.25	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
83	400313	Nghiêm Thị Yến Nhi	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.3	8.9			7.5	6.8	8	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
84	400016	Nguyễn Đức Anh	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	6.7	6.7			6	7.8	8.5	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
85	400346	Vũ Đức Phúc	11/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.9	6.3	6.7			7	6.8	8.5	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
86	400222	Hoàng Thị Mai Linh	24/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.2	7.2			7.5	6.8	8	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
87	400049	Nguyễn Tiến Bảo	13/07/2011	Tỉnh Đồng Tháp	T	K		6.8	6.8	6.6			7.25	6.8	8.25	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
88	400238	Lê Thanh Long	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.9	8.1			6.75	8.2	7.25	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
89	400343	Nguyễn Văn Phúc	18/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.2	6.8			7	6.4	8.75	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
90	400449	Mai Đình Trọng	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.5	7.6			7.25	7.6	7.25	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
91	400441	Trịnh Thị Trang	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.7	7.1			7.25	7.6	7.25	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
92	400202	Nguyễn Tấn Kiên	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.3	6.6			8	5.6	8.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
93	400442	Lương Minh Tráng	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.8	7			6.25	7.8	8	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
94	400403	Trần Gia Thịnh	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	6.6	6.6			7.5	5.8	8.75	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
95	400108	Mai Tiến Đạt	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	6.8	6			7.75	6.8	7.5	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
96	400303	Lưu Thanh Nhân	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	6.7	8.7			6	7	9	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
97	400100	Nguyễn Thuỳ Dương	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.1	7.4			7.25	7	7.75	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
98	400247	Hoàng Khánh Ly	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.3	7			7.75	7	7.25	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
99	400396	Vũ Ngọc Thiên	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.8	7.3	7.2			7.75	8	6.25	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
100	400445	Nguyễn Thị Bảo Trâm	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.2	6.2			7.5	7	7.5	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
101	400230	Nguyễn Hoàng Linh	02/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	7.2			6.75	7.2	8	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
102	400009	Trần Thị Bảo An	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.4	8.5			7.5	6.2	8.25	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
103	400101	Đậu Linh Đan	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	6.7	8.1			7.75	5.6	8.5	21.85	21.85		Đỗ NV1 - Lần 1
104	400208	Nguyễn Ngọc Tuấn Kiệt	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.6	6.6			6.25	7.6	8	21.85	21.85		Đỗ NV1 - Lần 1
105	400272	Vũ Dương Hà My	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	6.8	6.4			7.25	7	7.5	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
106	400236	Đào Văn Long	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.2	7.3			8	5.2	8.5	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
107	400047	Nguyễn Gia Bảo	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.8	8.1			6.25	7.2	8.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
108	400411	Cao Thị Thu Thủy	17/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.3	8	6.6			8	7.2	6.5	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
109	400084	Đậu Thị Ngọc Diệp	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.7	7.1			7	6.6	8	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
110	400283	Trần Thị Thủy Nga	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.4	7.4			7.25	5.8	8.5	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
111	400068	Nguyễn Yến Chi	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.9	7.5			7.5	6.8	7.25	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
112	400184	Nguyễn Duy Khánh	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.1	5.3	6.1			7.25	6	8.25	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
113	400281	Trần Khắc Nam	18/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.5	5.8	5.3			6.5	7	8	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
114	400448	Hoàng Văn Minh Triết	09/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.9	6.8			7.75	6.2	7.5	21.45	21.45		Đỗ NV1 - Lần 1
115	400260	Lê Đức Minh	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.5	6.9			8	5.2	8.25	21.45	21.45		Đỗ NV1 - Lần 1
116	400264	Trần Quang Minh	01/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	7.1	8.5			7.25	6.4	7.75	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
117	400391	Mai Đình Đức Thắng	06/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	7.9	7.1			7.25	5.4	8.75	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
118	400423	Nguyễn Thị Quỳnh Thư	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.1	6.1			7.5	5.6	8.25	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
119	400062	Nguyễn Ngọc Châu	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6.7	6.4			7.5	6.8	7	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
120	400350	Hoàng Quỳnh Phương	11/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.5	6.2	7.3			7	6.8	7.5	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
121	400035	Nghiêm Thị Ánh	09/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.9	7.5			7.25	6	8	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
122	400466	Đào Văn Tước	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	6.9	5.8			7.5	6	7.75	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
123	400451	Lê Thị Trúc	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.3	7.3			6.75	8.2	6.25	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
124	400261	Lô Đình Minh	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6.8	7	1		7	6.4	6.75	20.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
125	400249	Mai Thị Khánh Ly	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.3	7.6			7.25	5.6	8.25	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
126	400427	Dương Thị Hà Tiên	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.6	7.2			7.5	5.6	8	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
127	400199	Lê Quang Khởi	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.4	6.9			7.25	5.6	8.25	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
128	400178	Nguyễn Hiên Khang	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.7	6.1			7.5	5.6	8	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
129	400462	Nguyễn Thị Thanh Tú	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7.9	8.2			7	6.8	7.25	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
130	400140	Nguyễn Thành Hiếu	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	6.9	6			7	6.8	7.25	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
131	400019	Nguyễn Quỳnh Anh	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	6.1	6.1			6	7.8	7.25	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
132	400405	Nguyễn Văn Thông	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	6.6	8.3			6.5	6	8.5	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
133	400463	Cao Khả Tuấn	12/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.1	5.8			7.5	6	7.5	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
134	400218	Nghiêm Thùy Lâm	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.3	8.5			6.5	7.2	7.25	20.95	20.95		Đỗ NV1 - Lần 1
135	400078	Lê Văn Cường	27/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.2	6.5			8	5.2	7.75	20.95	20.95		Đỗ NV1 - Lần 1
136	400253	Nguyễn Thị Mai	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	7.8	6			6.75	6.4	7.75	20.9	20.9		Đỗ NV1 - Lần 1
137	400491	Nguyễn Thị Tường Vy	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.1	7.4			6.5	6.4	8	20.9	20.9		Đỗ NV1 - Lần 1
138	400063	Nguyễn Thị Minh Châu	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.7	6.3			7.75	5.4	7.75	20.9	20.9		Đỗ NV1 - Lần 1
139	400254	Nguyễn Thị Ngọc Mai	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	6.3	4.6			7.25	5.6	8	20.85	20.85		Đỗ NV1 - Lần 1
140	400404	Hoàng Trung Thông	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.3	5.8			6.75	5.8	8.25	20.8	20.8		Đỗ NV1 - Lần 1
141	400006	Mai Đình An	18/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.7	5.8			7.25	6	7.5	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1
142	400457	Vũ Đình Xuân Trường	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.9	5.8	6.1			6.75	6	8	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
143	400052	Hoàng Đình Bi	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	5.9	5.8			7	6	7.75	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1
144	400037	Nguyễn Hoài Ân	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.1	8			7	5.2	8.5	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
145	400132	Trần Gia Hân	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.3	6.7			7.75	5.2	7.75	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
146	400479	Đậu Trần Minh Việt	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	5.3	9			6.5	6.2	8	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
147	400024	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6.6	7.4			8	5.2	7.5	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
148	400045	Mai Văn Bảo	11/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		7.8	6.6	6.6			6.25	6.2	8.25	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
149	400072	Phạm Trần Xu Chin	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7	7.5			6.75	6.4	7.5	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
150	400195	Trần Anh Khoa	05/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.2	7.6			6.75	5.6	8.25	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
151	400458	Cao Phạm Minh Trường	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.9	7.2			7.25	5.6	7.75	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
152	400048	Nguyễn Thiên Bảo	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.5	5.3	6.4			7	5.6	8	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
153	400481	Nguyễn Đình Vinh	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.6	5.6	6.4			6.25	5.6	8.75	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
154	400198	Dương Văn Minh Khôi	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.8	7.6			7.75	4.8	8	20.55	20.55		Đỗ NV1 - Lần 1
155	400368	Trần Trúc Mai Quỳnh	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	6.9	5.9			7.5	5.8	7.25	20.55	20.55		Đỗ NV1 - Lần 1
156	400029	Trần Văn Việt Anh	15/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7	6.6			7	5.2	8.25	20.45	20.45		Đỗ NV1 - Lần 1
157	400385	Nguyễn Hữu Hải Tân	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.8	6.2			7.5	5.2	7.75	20.45	20.45		Đỗ NV1 - Lần 1
158	400114	Trần Văn Thành Đạt	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6	6.2	6.3			7	5.6	7.75	20.35	20.35		Đỗ NV1 - Lần 1
159	400181	Trần Văn Tuấn Khang	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.9	9.1			5.5	6.8	8	20.3	20.3		Đỗ NV1 - Lần 1
160	400082	Phan Thành Danh	10/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.3	6.7			6	6.8	7.5	20.3	20.3		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
161	400482	Đậu Minh Vũ	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	7.1	6.3			6.25	5.8	8.25	20.3	20.3		Đỗ NV1 - Lần 1
162	400042	Lê Thanh Gia Bảo	09/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.5	6.6			7	6	7.25	20.25	20.25		Đỗ NV1 - Lần 1
163	400381	Nguyễn Thị Minh Tâm	06/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		6.5	6	5.5			8.25	5	7	20.25	20.25		Đỗ NV1 - Lần 1
164	400507	Vũ Hoàng Yến	15/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.3	8.2			7.25	6.2	6.75	20.2	20.2		Đỗ NV1 - Lần 1
165	400097	Lưu Tuấn Dương	17/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	8.2			6.25	6.4	7.5	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
166	400323	Mai Thị Hồng Nhung	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7	8.4			6.25	6.4	7.5	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
167	400434	Nguyễn Văn Tình	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.5	7.4			7	5.4	7.75	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
168	400484	Mai Hưng Vũ	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	6.5	5			7.75	5.4	7	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
169	400212	Hoàng Kỳ	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.2	7			7.25	5.6	7.25	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
170	400131	Nguyễn Văn Hải	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.1	7			6.5	5.8	7.75	20.05	20.05		Đỗ NV1 - Lần 1
171	400384	Trần Thị Thanh Tâm	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.2	6.9			8	5.8	6.25	20.05	20.05		Đỗ NV1 - Lần 1
172	400193	Nguyễn Anh Khoa	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.3	8.5			5.75	6	8.25	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
173	400493	Nguyễn Thị Yến Vy	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	6.9	7.9			6.75	5	8.25	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
174	400341	Lê Văn Phúc	21/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.7	5.9			7.25	5	7.75	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
175	400054	Nguyễn Thị Như Bình	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.7	6.5			8	5	7	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
176	400008	Phạm Thuý An	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	6.6	6.8			7.75	5	7.25	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
177	400018	Nguyễn Nhật Anh	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Đ	Đ		5.4	5.1	6.4			6.17	7.8	6	19.97	19.97		Đỗ NV1 - Lần 1
178	400467	Đào Thị Tươi	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.8	7.9			7.75	4.2	8	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
179	400142	Nghiêm Quỳnh Hoa	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	6.5	7.2			7	5.4	7.5	19.9	19.9		Đỗ NV1 - Lần 1
180	400289	Hoàng Gia Nghĩa	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	6	5.6			7	5.4	7.5	19.9	19.9		Đỗ NV1 - Lần 1
181	400375	Lê Hữu Sáng	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.7	6.4	4.4			7.25	4.6	8	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1
182	400269	Nguyễn Thị Trà My	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.1	7			6.75	5.8	7.25	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
183	400275	Cao Ngọc Bảo Nam	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6	7.8			5	7	7.75	19.75	19.75		Đỗ NV1 - Lần 1
184	400239	Lê Thành Long	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		5.4	7	6.6			6.5	6	7.25	19.75	19.75		Đỗ NV1 - Lần 1
185	400033	Mai Thị Ngọc Ánh	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7	5.9			7.5	5.2	7	19.7	19.7		Đỗ NV1 - Lần 1
186	400351	Mai Thị Phụng	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.1	6.1			7.25	4.4	8	19.65	19.65		Đỗ NV1 - Lần 1
187	400380	Nguyễn Hoài Tâm	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	7	6.3			8.25	5.4	6	19.65	19.65		Đỗ NV1 - Lần 1
188	400268	Lê Thị Trà My	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.6	6.8	6.6			7	5.4	7.25	19.65	19.65		Đỗ NV1 - Lần 1
189	400358	Đồng Thị Quý	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.8	4.3			8	5.4	6.25	19.65	19.65		Đỗ NV1 - Lần 1
190	400219	Nguyễn Trần Gia Lâm	24/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.7	7.2	7.1			7	5.6	7	19.6	19.6		Đỗ NV1 - Lần 1
191	400294	Nguyễn Kim Ngọc	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.6	6.7			7.75	3.8	8	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
192	400419	Mai Anh Thư	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.6	7.3	7.1			7	4.8	7.75	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
193	400036	Lưu Vĩnh Kỳ Ân	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.9	6	5.8			6.5	4.8	8.25	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
194	400245	Nguyễn Việt Lực	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.1	5.5			6	5.8	7.75	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
195	400005	Lê Thị Bảo An	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.3	6			7.25	5.2	7	19.45	19.45		Đỗ NV1 - Lần 1
196	400172	Nguyễn Vũ Dương Khải	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	6.1	6			7	5.2	7.25	19.45	19.45		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
197	400026	Nguyễn Trâm Anh	15/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	6.5	6.9			5.83	7.6	6	19.43	19.43		Đỗ NV1 - Lần 1
198	400473	Nguyễn Thị Lệ Uyên	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.6	6.8			5.5	5.4	8.5	19.4	19.4		Đỗ NV1 - Lần 1
199	400179	Nguyễn Lê Minh Khang	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	6.8	6.8			6.75	5.4	7.25	19.4	19.4		Đỗ NV1 - Lần 1
200	400336	Lê Kim Phát	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	7	5.8			8.25	4.4	6.75	19.4	19.4		Đỗ NV1 - Lần 1
201	400374	Trương Công Sang	10/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	6.8	6.1			5.5	5.8	8	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
202	400209	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	6.6	5.4			6.25	4.8	8.25	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
203	400409	Đậu Thị Thùy	02/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.9	5.1			6.75	4.8	7.75	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
204	400308	Đậu Thị Nhi	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	5.9	5.3			6	5.8	7.5	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
205	400440	Trần Thị Trang	19/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	6.8	5.4			7	5.8	6.5	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
206	400485	Nguyễn Hoàng Vũ	09/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	7.1	5.2			6.75	6.8	5.75	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
207	400286	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	03/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6	5.2			6.75	6	6.5	19.25	19.25		Đỗ NV1 - Lần 1
208	400064	Nguyễn Thị Ngọc Châu	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.2	6.6			6.5	5.2	7.5	19.2	19.2		Đỗ NV1 - Lần 1
209	400387	Nguyễn Tiến Thành	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6	9			6	7.4	5.75	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
210	400325	Trần Thị Nhung	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.6	6.5			7	4.4	7.75	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
211	400334	Nguyễn Thị Mai Oanh	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.2	5.9			7.25	4.4	7.5	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
212	400240	Nguyễn Đình Hoàng Long	04/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.8	6.4			5.5	6.4	7.25	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
213	400470	Lê Thị Nhã Uyên	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.8	6.4			7.75	3.4	8	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
214	400377	Lê Đức Tài	11/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.6	6.3	6			7	3.4	8.75	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
215	400471	Mai Thị Bảo Uyên	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.2	6.8			6.75	4.6	7.75	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
216	400152	Trần Vũ Hoàng	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.6	5.6			7	4.6	7.5	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
217	400044	Lê Văn Bảo	23/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7.3	6.1			7.5	3.6	8	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
218	400295	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	6.8	6.6			7.5	3.6	8	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
219	400416	Lê Thị Anh Thư	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		7.3	7.2	6.7			7.25	4.6	7.25	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
220	400413	Cao Thị Anh Thư	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.3	6.9			7.25	5.8	6	19.05	19.05		Đỗ NV1 - Lần 1
221	400194	Nguyễn Lê Anh Khoa	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.9	6.8			6.25	4.8	8	19.05	19.05		Đỗ NV1 - Lần 1
222	400146	Phạm Thị Thu Hoài	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.4	6.1			6.75	6	6.25	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
223	400032	Hoàng Thị Quỳnh Ánh	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.6	6.6			7.5	4.2	7.25	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
224	400034	Mai Thị Ngọc Ánh	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.8	6.1			7	4.2	7.75	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
225	400143	Trần Văn Hòa	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.2	7.4			6.25	5.4	7.25	18.9	18.9		Đỗ NV1 - Lần 1
226	400166	Nguyễn Thị Thu Huyền	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.7	8.9			6	4.6	8.25	18.85	18.85		Đỗ NV1 - Lần 1
227	400266	Đậu Thị Trà My	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.2	6.3			6.25	5	7.5	18.75	18.75		Đỗ NV1 - Lần 1
228	400267	Đồng Thị Trà My	23/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.3	6.1			6.75	5	7	18.75	18.75		Đỗ NV1 - Lần 1
229	400122	Lê Ngọc Đức	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6	6.3			7.75	3	8	18.75	18.75		Đỗ NV1 - Lần 1
230	400056	Nguyễn Bá Mậu Bình	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.7	6.7	6			7	5.2	6.5	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1
231	400196	Trần Đăng Khoa	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.9	5.2	6.5			6.25	4.2	8.25	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1
232	400332	Lê Thị Lý Oanh	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	5.5	6.3			7.5	4.2	7	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U'T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
233	400397	Lê Đức Thiện	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	4.8	7			5.5	6.2	7	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1
234	400106	Hoàng Quốc Đạt	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.1	4.8	4.8			7	4.4	7.25	18.65	18.65		Đỗ NV1 - Lần 1
235	400126	Nguyễn Thị Hà Giang	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5	6.1	5.5			6.25	4.4	8	18.65	18.65		Đỗ NV1 - Lần 1
236	400422	Nguyễn Thị Minh Thu	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.3	6.9	6.6			7.5	4.6	6.5	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 1
237	400307	Vũ Long Nhật	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	6.1	5.4			6.75	4.6	7.25	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 1
238	400277	Mai Hoàng Nam	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.3	7.6			6.5	3.8	8.25	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
239	400234	Trần Vũ Linh	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.4	7.3			7.75	2.8	8	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
240	400189	Đồng Gia Khiêm	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.3	5.2	5.2			5.25	4.8	8.5	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
241	400021	Nguyễn Thị Kim Anh	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	5.9	5.8			7	3.8	7.75	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
242	400327	Nguyễn Thị Ái Như	22/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	6.3	5.8			7.5	3.8	7.25	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
243	400312	Lê Thị Yến Nhi	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.3	6.4	5.5			7.75	3.8	7	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
244	400395	Mai Thi	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	7.4	6.7			7.75	4	6.75	18.5	18.5		Đỗ NV1 - Lần 1
245	400456	Ngô Quang Trường	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.8	6.1			7.25	5	6.25	18.5	18.5		Đỗ NV1 - Lần 1
246	400412	Cao Thị Ngọc Thúy	10/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.5	7			7.25	3.2	8	18.45	18.45		Đỗ NV1 - Lần 1
247	400074	Trần Thị Minh Chuyên	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6	8.7			6	5.4	7	18.4	18.4		Đỗ NV1 - Lần 1
248	400162	Hoàng Thị Khánh Huyền	19/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	6.8	5.5			6.5	5.4	6.5	18.4	18.4		Đỗ NV1 - Lần 1
249	400135	Nguyễn Thị Hiền	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.2	6.4			7.25	3.6	7.5	18.35	18.35		Đỗ NV1 - Lần 1
250	400093	Mai Đình Duy	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	6.7	6.3			5.75	4.6	8	18.35	18.35		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U'T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
251	400150	Nguyễn Thị Mai Hoàng	29/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.4	6.4			7.5	3.6	7.25	18.35	18.35		Đỗ NV1 - Lần 1
252	400182	Hồ Quốc Khánh	04/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	5.6	6.2			6	4.6	7.75	18.35	18.35		Đỗ NV1 - Lần 1
253	400147	Đồng Duy Hoàng	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7	6.3	5.7			7	3.6	7.75	18.35	18.35		Đỗ NV1 - Lần 1
254	400468	Lê Duy Tường	04/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	6.4	6.2			6.25	4.8	7.25	18.3	18.3		Đỗ NV1 - Lần 1
255	400311	Lê Thị Yến Nhi	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	5	6.8			6	4.8	7.5	18.3	18.3		Đỗ NV1 - Lần 1
256	400382	Nguyễn Thị Tâm	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.7	5.8	6.3			7	4	7.25	18.25	18.25		Đỗ NV1 - Lần 1
257	400085	Hồ Thị Ngọc Diệp	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	7	5.7			7.75	3	7.5	18.25	18.25		Đỗ NV1 - Lần 1
258	400079	Nguyễn Hữu Cường	19/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	6	6.1			6.5	6	5.75	18.25	18.25		Đỗ NV1 - Lần 1
259	400501	Trần Thị Thư Xinh	28/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	6.6	5.9			7	3.2	8	18.2	18.2		Đỗ NV1 - Lần 1
260	400149	Mai Văn Hoàng	14/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		7.2	5.5	6.1			6.5	4.2	7.5	18.2	18.2		Đỗ NV1 - Lần 1
261	400151	Trần Nhật Hoàng	01/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Đ	Đ		4.8	5	5.1			6.25	5.2	6.75	18.2	18.2		Đỗ NV1 - Lần 1
262	400314	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	7.2	6			7.25	4.4	6.5	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 1
263	400228	Mai Thị Yến Linh	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7.4	5.4			7	3.4	7.75	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 1
264	400204	Cao Văn Kiệt	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.7	7.4	5.8			7	3.4	7.75	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 1
265	400112	Nguyễn Văn Đạt	11/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.9	6.5	5.6			7.5	2.4	8.25	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 1
266	400160	Vũ Gia Huy	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.8	6.8			5	5.6	7.5	18.1	18.1		Đỗ NV1 - Lần 1
267	400102	Đậu Thị Linh Đan	21/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	6.9	7			7	3.6	7.5	18.1	18.1		Đỗ NV1 - Lần 1
268	400027	Phạm Thị Kim Anh	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6.5	6.2			6.5	4.8	6.75	18.05	18.05		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
269	400258	Đỗ Tuấn Minh	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.4	6.1	5.3			6.25	3.8	8	18.05	18.05		Đỗ NV1 - Lần 1
270	400400	Dương Công Thịnh	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	5.9	5.5			6.5	4.8	6.75	18.05	18.05		Đỗ NV1 - Lần 1
271	400053	Nghiêm Thị Ngọc Bích	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6	7.1	7.3			6.25	5	6.75	18	18		Đỗ NV1 - Lần 1
272	400125	Đỗ Tuấn Giang	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	5	5.7			5.5	5	7.5	18	18		Đỗ NV1 - Lần 1
273	400465	Trần Quốc Tuấn	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		5.7	6.6	5.7			7.25	4	6.75	18	18		Đỗ NV1 - Lần 1
274	400492	Nguyễn Thị Vy	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7.7	6.6			6.75	3.2	8	17.95	17.95		Đỗ NV1 - Lần 1
275	400004	Lê Nhật Bảo An	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.1	7.3	5.8			6	4.2	7.75	17.95	17.95		Đỗ NV1 - Lần 1
276	400211	Trần Văn Kiệt	02/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.7	5.8			6.5	3.4	8	17.9	17.9		Đỗ NV1 - Lần 1
277	400262	Nguyễn Anh Minh	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.4	5.8	6.6			6.25	6.4	5.25	17.9	17.9		Đỗ NV1 - Lần 1
278	400362	Trần Thị Quyên	17/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.8	6.1			7	3.6	7.25	17.85	17.85		Đỗ NV1 - Lần 1
279	400366	Mai Thị Như Quỳnh	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.4	5.5			7.25	3.6	7	17.85	17.85		Đỗ NV1 - Lần 1
280	400432	Nguyễn Trần Minh Tiến	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.6	7			7.25	2.8	7.75	17.8	17.8		Đỗ NV1 - Lần 1
281	400389	Mai Nguyễn Phương Thảo	23/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	7.9	5.8			7.75	3.8	6.25	17.8	17.8		Đỗ NV1 - Lần 1
282	400460	Mai Hưng Trường	08/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	5.9	5.6			7	3	7.75	17.75	17.75		Đỗ NV1 - Lần 1
283	400025	Nguyễn Trâm Anh	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.1	6.9	5.9			6.75	5	6	17.75	17.75		Đỗ NV1 - Lần 1
284	400167	Nguyễn Thị Thu Huyền	27/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	5.4	6.3			6.25	4	7.5	17.75	17.75		Đỗ NV1 - Lần 1
285	400190	Lê Hữu Khoa	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.8	5.4	6.1			5.5	8	4.25	17.75	17.75		Đỗ NV1 - Lần 1
286	400107	Hoàng Tuấn Đạt	09/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.5	5.5	4.9			6.25	5	6.5	17.75	17.75		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
287	400304	Đậu Long Nhật	21/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	5.8	6			5.5	5.2	7	17.7	17.7		Đỗ NV1 - Lần 1
288	400089	Lê Tấn Dũng	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		4.8	5.4	5.5			6.25	6.2	5.25	17.7	17.7		Đỗ NV1 - Lần 1
289	400157	Đồng Phúc Huy	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.7	5.7			7	3.4	7.25	17.65	17.65		Đỗ NV1 - Lần 1
290	400013	Lê Ngọc Anh	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.8	5.7	6			6.75	5.4	5.5	17.65	17.65		Đỗ NV1 - Lần 1
291	400388	Hoàng Thị Thảo	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.9	5.3			7	3.6	7	17.6	17.6		Đỗ NV1 - Lần 1
292	400410	Phạm Thị Thùy	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	6.2	5.3			6	4	7.5	17.5	17.5		Đỗ NV1 - Lần 1
293	400020	Nguyễn Thị Hoài Anh	22/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	6.6	6.2			6.5	4.2	6.75	17.45	17.45		Đỗ NV1 - Lần 1
294	400095	Cao Thị Ánh Dương	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6	5.9	5.3			6	4.2	7.25	17.45	17.45		Đỗ NV1 - Lần 1
295	400105	Phạm Văn Đan	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.2	5.2			7	3.2	7.25	17.45	17.45		Đỗ NV1 - Lần 1
296	400287	Võ Kim Ngân	10/01/2011	Tỉnh Tây Ninh	T	Đ		3.9	6.2	6.1			6.75	6.2	4.5	17.45	17.45		Đỗ NV1 - Lần 1
297	400477	Nguyễn Thị Hà Vi	25/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6.7	5.8			7	2.4	8	17.4	17.4		Đỗ NV1 - Lần 1
298	400429	Đỗ Văn Tiến	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.9	6.5	4.9			6.25	3.4	7.75	17.4	17.4		Đỗ NV1 - Lần 1
299	400330	Trần Thị Quỳnh Như	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5	6.2	5.7			6.75	3.4	7.25	17.4	17.4		Đỗ NV1 - Lần 1
300	400349	Đinh Thu Phương	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.4	6.7	5.3			7	4.6	5.75	17.35	17.35		Đỗ NV1 - Lần 1
301	400224	Lê Nguyễn Diệu Linh	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.4	7.3	6.6			5.75	4.8	6.75	17.3	17.3		Đỗ NV1 - Lần 1
302	400361	Trần Thị Ánh Quỳên	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	6.4	5.2			7.5	3.8	6	17.3	17.3		Đỗ NV1 - Lần 1
303	400424	Phạm Trần Anh Thư	06/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	5.9	5.8			6	4.8	6.5	17.3	17.3		Đỗ NV1 - Lần 1
304	400408	Nguyễn Minh Thuận	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	4.9	5.9			5	4.8	7.5	17.3	17.3		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
305	400348	Trần Văn Phước	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	7	5.2			6.33	3.2	7.75	17.28	17.28		Đỗ NV1 - Lần 1
306	400094	Trần Anh Duy	12/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	5	6.8			4.25	5	8	17.25	17.25		Đỗ NV1 - Lần 1
307	400285	Nguyễn Bảo Ngân	18/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6.5	5.2			6.5	5	5.75	17.25	17.25		Đỗ NV1 - Lần 1
308	400206	Lê Doãn Tuấn Kiệt	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.6	7.2			6.5	5.2	5.5	17.2	17.2		Đỗ NV1 - Lần 1
309	400421	Nguyễn Anh Thư	07/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	6.4	5.9			7.25	2.2	7.75	17.2	17.2		Đỗ NV1 - Lần 1
310	400223	Hoàng Trường Linh	16/10/2011	Tỉnh Cà Mau	T	K		5.8	7.7	6			7	3.6	6.5	17.1	17.1		Đỗ NV1 - Lần 1
311	400256	Nguyễn Bá Mạnh	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.7	5.7	5.1			5.5	4.6	7	17.1	17.1		Đỗ NV1 - Lần 1
312	400231	Nguyễn Thị Bảo Linh	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.4	7	7.1			7	4.8	5.25	17.05	17.05		Đỗ NV1 - Lần 1
313	400010	Bùi Ngọc Tuấn Anh	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		6.4	5.7	6.3			7	3.8	6.25	17.05	17.05		Đỗ NV1 - Lần 1
314	400320	Trần Thị Yến Nhi	09/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.2	6.4			5.5	5	6.5	17	17		Đỗ NV1 - Lần 1
315	400502	Nghiêm Thị Như Ý	21/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	5.1	5.9			6.5	3.2	7.25	16.95	16.95		Đỗ NV1 - Lần 1
316	400284	Vũ Thị Nga	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.1	5.8	5.3			6	5.2	5.75	16.95	16.95		Đỗ NV1 - Lần 1
317	400296	Trần Bảo Ngọc	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6	5.7	6.1			6.17	4	6.75	16.92	16.92		Đỗ NV1 - Lần 1
318	400163	Mai Thị Thanh Huyền	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.4	7.2			6.25	3.4	7.25	16.9	16.9		Đỗ NV1 - Lần 1
319	400201	Nguyễn Bá Kiên	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	6.2	6			7	4.4	5.5	16.9	16.9		Đỗ NV1 - Lần 1
320	400251	Nguyễn Thị Khánh Ly	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	6.2	5.3			6.75	4.6	5.5	16.85	16.85		Đỗ NV1 - Lần 1
321	400124	Vũ Ngọc Anh Đức	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	5.6	5.8			6	3.6	7.25	16.85	16.85		Đỗ NV1 - Lần 1
322	400137	Lê Thị Hiếu	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.1	7.4	6.7			7.25	3.8	5.75	16.8	16.8		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
323	400233	Trần Phương Linh	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	5.7	6.1			6	4	6.75	16.75	16.75		Đỗ NV1 - Lần 1
324	400420	Nguyễn Anh Thư	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	6.3	4.9			6.5	3.2	7	16.7	16.7		Đỗ NV1 - Lần 1
325	400494	Nguyễn Tường Vy	02/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	6.9	7.4			7.25	5.4	4	16.65	16.65		Đỗ NV1 - Lần 2
326	400499	Lưu Khôi Vỹ	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	5.1	6.1			5.5	3.4	7.75	16.65	16.65		Đỗ NV1 - Lần 2
327	400495	Nguyễn Tường Vy	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	6.4	7.3			7	3.4	6.25	16.65	16.65		Đỗ NV1 - Lần 2
328	400306	Mai Hưng Nhật	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	6.2	5.2			6	3.4	7.25	16.65	16.65		Đỗ NV1 - Lần 2
329	400015	Lưu Nhật Anh	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.4	5.6	5.6			5.5	2.6	8.5	16.6	16.6		Đỗ NV1 - Lần 2
330	400011	Lê Hoàng Anh	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	6.3	5.2			7	2.6	7	16.6	16.6		Đỗ NV1 - Lần 2
331	400487	Lê Thị Phương Vy	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		5.7	6.5	6.5			5.25	5.6	5.75	16.6	16.6		Đỗ NV1 - Lần 2
332	400406	Nguyễn Bá Thụ	22/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.8	5.4	5.9			6	6.6	4	16.6	16.6		Đỗ NV1 - Lần 2
333	400352	Đào Duy Nhật Quang	10/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.8	6.7	5.5			5.58	3	8	16.58	16.58		Đỗ NV1 - Lần 2
334	400335	Trần Thị Kim Oanh	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.3	6.6	5.6			7	2.8	6.75	16.55	16.55		Đỗ NV1 - Lần 2
335	400326	Lê Thị Quỳnh Như	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6	5.8			4.5	5.8	6.25	16.55	16.55		Đỗ NV1 - Lần 2
336	400031	Bùi Thị Ngọc Ánh	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	6.4	5.5			7	2.8	6.75	16.55	16.55		Đỗ NV1 - Lần 2
337	400216	Lưu Mai La	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		5.7	6.9	5.7			6.5	2.8	7.25	16.55	16.55		Đỗ NV1 - Lần 2
338	400076	Nguyễn Tiến Công	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.8	6.7	5.6			6.25	4	6.25	16.5	16.5		Đỗ NV1 - Lần 2
339	400310	Lê Thị Hoài Nhi	03/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.9	6.3	5.5			7.25	2	7.25	16.5	16.5		Đỗ NV1 - Lần 2
340	400138	Mai Đình Hiếu	01/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	5.8	5			6.75	2	7.75	16.5	16.5		Đỗ NV1 - Lần 2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	U.T	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
341	400353	Đào Văn Quang	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	5.7	5			6.25	3	7.25	16.5	16.5		Đỗ NV1 - Lần 2
342	400301	Nguyễn Thị Nhật Nguyệt	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.1	7	6.5			7	2.4	7	16.4	16.4		Đỗ NV1 - Lần 2
343	400504	Mai Thị Kim Yển	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.1	5.8			5.75	3.4	7.25	16.4	16.4		Đỗ NV1 - Lần 2
344	400475	Hoàng Thị Hồng Vân	01/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5	7	6			7	2.6	6.75	16.35	16.35		Đỗ NV1 - Lần 2
345	400066	Mai Thị Kim Chi	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5	6.2	5.2			6.75	2.6	7	16.35	16.35		Đỗ NV1 - Lần 2
346	400498	Hà Chí Vỹ	07/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	5.5	7.9			5	4	7.25	16.25	16.25		Đỗ NV1 - Lần 2
347	400117	Nghiêm Hải Đăng	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	5.6	5.7			4.75	4	7.5	16.25	16.25		Đỗ NV1 - Lần 2
348	400263	Phạm Nhật Minh	09/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	4.5	5.3			5.25	4	7	16.25	16.25		Đỗ NV1 - Lần 2
349	400437	Mai Thị Huyền Trang	20/11/2011	Tỉnh Đồng Nai	T	K		5.5	7.1	5.5			6.75	3.2	6.25	16.2	16.2		Đỗ NV1 - Lần 2
350	400241	Nguyễn Thế Gia Long	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.6	5.5	6			5.25	3.2	7.75	16.2	16.2		Đỗ NV1 - Lần 2
351	400123	Phạm Hoàng Đức	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.1	5.9	5.9			6.5	2.2	7.5	16.2	16.2		Đỗ NV1 - Lần 2
352	400073	Đậu Minh Chung	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.9	5.7	5.5			5.5	3.2	7.5	16.2	16.2		Đỗ NV1 - Lần 2
353	400488	Mai Thị Yển Vy	30/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5	6.4	6.5			6.75	2.6	6.75	16.1	16.1		Đỗ NV1 - Lần 2
354	400086	Phạm Quang Dục	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.4	5.2	5.8			5.5	5.8	4.75	16.05	16.05		Đỗ NV1 - Lần 2
355	400039	Hoàng Gia Bảo	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.9	5.5	6.2			6.42	6.6	3	16.02	16.02		Đỗ NV1 - Lần 2
356	400393	Nguyễn Xuân Thắng	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5	5.9	5.6			5.75	3	7.25	16	16		Đỗ NV1 - Lần 2
357	400370	Đặng Bá Sang	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	5.7	4.9			6.5	2	7.5	16	16		Đỗ NV1 - Lần 2
358	400506	Phan Thị Hải Yển	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.5	6.4			7	3.2	5.75	15.95	15.95		Đỗ NV1 - Lần 2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
359	400158	Đỗ Tuyên Huy	30/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.2	6.3	5.5			6.5	4.2	5.25	15.95	15.95		Đỗ NV1 - Lần 2
360	400067	Nguyễn Thị Kim Chi	21/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.7	7			6.25	3.4	6.25	15.9	15.9		Đỗ NV1 - Lần 2

Danh sách này gồm có 360 thí sinh trúng tuyển

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÁN BỘ DUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG KT&KĐCLGD

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026

(Ký và đóng dấu)